

# CÔNG BÁO

NƯỚC VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

## MỤC LỤC

	Trang		Trang
<b>HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ</b>		<i>13-7-1974 — Thông tư số 179-TTg về việc khuyến khích vật chất đối với các xí nghiệp dùng kỹ kế hoạch cao trong năm 1974 . . . . .</i>	
<i>1-7-1974 — Quyết định số 151-CP về thưởng khuyến khích xuất khẩu . . . . .</i>	149		157
<i>4-7-1974 — Nghị định số 163-CP sửa đổi một số điểm về chế độ thôi việc vì mất sức lao động và chế độ lưu trí đối với công nhân, viên chức Nhà nước . . . . .</i>	151	<b>CÁC BỘ</b>	
		<b>LIÊN BỘ</b>	
		<b>THỦY LỢI — NỘI THƯƠNG</b>	
		<i>15-7-1974 — Thông tư liên bộ số 14-TT/LB quy định và hướng dẫn thi hành chế độ cung cấp hàng hóa cho đối thủy lợi trong các hợp tác xã nông nghiệp . . . . .</i>	159
<b>THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ</b>		<b>BỘ NỘI THƯƠNG</b>	
<i>1-7-1974 — Quyết định số 170-TTg ban hành chế độ và danh mục chỉ tiêu báo cáo thống nhất thống kê kế toán định kỳ chính thức của các xí nghiệp xây lắp nhận thầu và các ban kiến thiết công trình xây dựng cơ bản . . . . .</i>	153	<i>11-7-1974 — Thông tư số 16-NT hướng dẫn thi hành nghị định số 76-CP về vấn đề đăng ký kinh doanh công thương nghiệp và phục vụ thuộc phạm vi ngành nội thương phụ trách</i>	160

### HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

**QUYẾT ĐỊNH** số 151-CP ngày 1-7-1974 về thưởng khuyến khích xuất khẩu.

#### HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ quyết định số 21-CP ngày 7-2-1972 của Hội đồng Chính phủ về cải tiến kế hoạch hóa công tác xuất khẩu ;

Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong phiên họp thường vụ ngày 30-5-1974 ;

Theo đề nghị của ông bộ trưởng Bộ Ngoại thương,

#### QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay ban hành chế độ thưởng khuyến khích xuất khẩu đối với các cơ sở sản xuất, các ngành trung ương, các địa phương, các Tổng công ty xuất nhập khẩu đã có thành tích trong công tác xuất khẩu hàng hóa.

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

09667861

Mục đích của việc thưởng này là để tạo thêm điều kiện cho các ngành, các cấp trong việc tổ chức và động viên phát triển sản xuất, tăng năng suất, cải tiến kỹ thuật, nâng cao phẩm chất và giá trị hàng hóa xuất khẩu nhằm tăng nguồn thu ngoại tệ cho Nhà nước, giảm mức bù lỗ và mở rộng quan hệ ngoại thương.

**Điều 2.** — Các mặt hàng được thưởng khuyến khích theo thứ tự ưu tiên sau đây :

- a) Hàng nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản ;
- b) Hàng tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp ;
- c) Hàng công nghiệp.

**Điều 3.** — Đối tượng được thưởng khuyến khích gồm có :

a) Những cơ sở sản xuất quốc doanh và hợp tác xã có đăng ký làm hàng xuất khẩu và đã thực hiện đầy đủ hợp đồng giao hàng xuất khẩu cho cơ quan ngoại thương.

Các cơ sở sản xuất này, nếu dùng nguyên liệu do các cơ sở sản xuất nguyên liệu đã ký hợp đồng và thực hiện đầy đủ hợp đồng cung cấp nguyên liệu cho mình để sản xuất hàng xuất khẩu thì phải trích một phần tiền thưởng cho cơ sở cung cấp nguyên liệu theo tỷ lệ do ông Bộ trưởng Bộ Ngoại thương quy định, căn cứ vào giá trị nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu.

b) Những Bộ, Tổng cục và Ủy ban hành chính các tỉnh, các thành phố trực thuộc trung ương quản lý các cơ sở sản xuất đã có thành tích vận động sản xuất, tổ chức nguồn hàng giúp đỡ giải quyết các khó khăn để hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch giao hàng xuất khẩu.

c) Những tổng công ty và công ty xuất khẩu đã có thành tích mở rộng thị trường hoặc tăng một mức đáng kể về kim ngạch xuất khẩu vào những thị trường cần tranh thủ.

**Điều 4.** — Điều kiện được xét thưởng và hình thức thưởng quy định như sau :

a) Những cơ sở sản xuất nói trong điểm a của điều 3 đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các điều khoản của hợp đồng cụ thể đã ký kết với các cơ quan ngoại thương, trên cơ sở những chỉ tiêu pháp lệnh của Nhà nước giao cho Bộ, Tổng cục và Ủy ban hành chính địa phương và được Bộ Ngoại thương xác nhận thì sẽ được thưởng bằng tiền Việt-nam.

b) Các Bộ, các Tổng cục, các địa phương nói trong điểm b của điều 3 đã tích cực vận động sản xuất, tổ chức nguồn hàng, hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch giao nộp hàng hóa cho xuất khẩu sẽ được thưởng khuyến khích theo hình thức hưởng quyền được phân bổ kim ngạch ngoại tệ để mua ngoại tệ nhập trang bị, nguyên vật liệu nhằm mở rộng cơ sở

sản xuất hàng xuất khẩu của ngành và địa phương, hoặc để trả nợ vay của Ngân hàng để nhập khẩu trước các loại trang bị, thiết bị và nguyên liệu.

Quyền được phân bổ kim ngạch ngoại tệ nói ở đây là quyền được sử dụng một tỷ lệ phần trăm thực thu tính bằng ngoại tệ về bán hàng xuất khẩu theo giá FOB sau khi trừ các chi phí.

c) Đối với các Tổng công ty, công ty xuất khẩu nói ở điểm c của điều 3, hình thức và điều kiện thưởng sẽ được quy định sau.

**Điều 5.** — Mức thưởng quy định cho các đối tượng nói trong điểm a của điều 3 :

a) Đối với mặt hàng là sản phẩm chưa qua chế biến, hoặc chế biến bằng nguyên liệu trong nước :

— Không quá 2% giá trị hợp đồng đã hoàn thành,

— Không quá 5% giá trị vượt mức của hợp đồng ;

b) Đối với mặt hàng sản xuất bằng nguyên liệu nhập khẩu (mặt hàng gia công) :

— Không quá 2% giá trị hợp đồng hoàn thành sau khi đã trừ giá trị nguyên liệu nhập khẩu ;

— Không quá 4% giá trị vượt mức hợp đồng sau khi đã trừ giá trị nguyên liệu nhập khẩu ;

Khi định mức thưởng cho từng mặt hàng không chỉ căn cứ vào số lượng mà còn xét đến hiệu quả kinh tế của mặt hàng ấy, như mức ngoại tệ thu được trên một diện tích canh tác, tỷ lệ bù lỗ nhiều hay ít so với giá trị sản phẩm.

**Điều 6.** — Mức thưởng quy định cho các đối tượng nói trong điểm b của điều 3 về quyền được phân bổ kim ngạch ngoại tệ :

a) Không quá 3% số ngoại tệ thực thu và căn cứ vào giá trị hàng hóa xuất khẩu đã hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao cho Bộ, Tổng cục và Ủy ban hành chính tỉnh ;

b) Từ 30% đến 50% số vượt về thực thu bằng ngoại tệ, căn cứ vào mức vượt chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước.

Để khuyến khích kịp thời trong quá trình thực hiện kế hoạch xuất khẩu hàng hóa, căn cứ vào báo cáo số thu ngoại tệ của các Tổng công ty và công ty xuất khẩu được Ngân hàng ngoại chương xác nhận, từng quý Bộ Ngoại thương sẽ thông báo cho các Bộ, các Tổng cục, các địa phương biết để sử dụng kịp thời quyền được phân bổ kim ngạch ngoại tệ bằng 50% mức được thưởng; cuối năm sẽ tính toán lại theo nguyên tắc đã nói trong điểm a và b của điều này.

**Điều 7.** — Nguồn tiền cấp phát thưởng :

a) Thưởng về tiền Việt-nam : do quỹ thưởng của Bộ Ngoại thương cấp. Quỹ này được lập bằng cách hàng năm Bộ Ngoại thương được tính thêm 2% trên giá kế hoạch thu mua hàng xuất khẩu.

b) Thường về quyền được phân bổ kim ngạch ngoại tệ: hàng năm khi cân đối kế hoạch xuất khẩu và nhập khẩu, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước dành một phần bằng 30% giá trị kế hoạch thu ngoại tệ về hàng xuất khẩu để Bộ Ngoại thương phân bổ mức thưởng về quyền được sử dụng kim ngạch ngoại tệ cho các Bộ, các Tổng cục, các địa phương.

c) Trường hợp cuối năm thường còn thừa tiền hoặc kim ngạch ngoại tệ được phân bổ không được sử dụng hết thì sẽ chuyển qua năm sau để sử dụng và sẽ trừ vào phần tính để lập quỹ tiền thưởng hoặc trừ vào phần ngoại tệ được dành ra để thưởng quyền phân bổ kim ngạch ngoại tệ cho năm sau. Nếu thiếu thì xin Chính phủ cấp thêm.

**Điều 8.** — Nguyên tắc phân bổ và sử dụng quỹ thưởng quy định như sau:

a) Đối với xí nghiệp quốc doanh trung ương và địa phương số tiền thưởng sẽ sử dụng theo chế độ 3 quỹ mà Nhà nước đã ban hành.

b) Đối với các hợp tác xã: số tiền được thưởng này được coi như của hợp tác xã và sẽ phân bổ như sau:

- 50% đưa vào quỹ tích lũy để mở rộng sản xuất;
- 30% đưa vào quỹ phúc lợi tập thể;
- 20% thưởng cho cá nhân có nhiều thành tích trong sản xuất.

c) Đối với các Bộ, các Tổng cục, các địa phương được thưởng quyền được phân bổ kim ngạch ngoại tệ, khi muốn sử dụng số ngoại tệ này để nhập hàng thì phải có đơn hàng gửi cho Ủy ban Kế hoạch Nhà nước xem xét cân đối và chuyển cho Bộ Ngoại thương nhập. Khi thanh toán số hàng nhập này, các Bộ, các Tổng cục, các địa phương phải có tiền Việt-nam để trả cho Ngân hàng.

**Điều 9.** — Ông Bộ trưởng Bộ Ngoại thương căn cứ vào điều 2, 5, 6 nói trên xét và quyết định mức thưởng và tỷ lệ thưởng cho cơ sở cung cấp nguyên liệu và sản xuất hàng hóa xuất khẩu theo từng loại mặt hàng sau khi đã thỏa thuận với ông Bộ trưởng Bộ Tài chính, cách tiến hành thưởng quy định như sau:

a) Đối với tiền Việt-nam thưởng cho cơ sở sản xuất: cơ quan ngoại thương cấp phát trực tiếp cho cơ sở sản xuất sau khi hoàn thành hợp đồng.

b) Đối với thưởng quyền được phân phối kim ngạch ngoại tệ: Bộ Ngoại thương sẽ công bố kim ngạch ngoại tệ cho các Bộ, các Tổng cục, các Ủy ban hành chính địa phương để các cơ quan này dùng vào việc nhập khẩu những vật tư cần thiết cho sản xuất hàng xuất khẩu.

**Điều 10.** — Các xí nghiệp quốc doanh không hoàn thành kế hoạch giao nộp hàng hóa cho xuất khẩu thì bị giảm mức thưởng hoàn thành kế hoạch chung và phải giao vào kế hoạch năm sau, nếu không có lý do chính đáng.

Các Bộ, các Tổng cục, các Ủy ban hành chính địa phương không hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch xuất khẩu, nếu không có lý do chính đáng, thì phải giao bù vào kế hoạch năm sau.

**Điều 11.** — Căn cứ vào những nguyên tắc trên đây, ông Bộ trưởng Bộ Ngoại thương, ông Bộ trưởng Bộ Tài chính, ông Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt-nam quy định chi tiết thi hành quyết định này.

**Điều 12.** — Quyết định thưởng này chỉ mới áp dụng cho các đơn vị cơ sở, các ngành trung ương, các địa phương sản xuất hàng xuất khẩu, có hoạt động nhằm tăng kim ngạch xuất khẩu, mở rộng quan hệ ngoại thương. Còn đối với các đơn vị khác có hoạt động về ngoại tệ trong khi thực hiện chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước thì Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước dự thảo sớm chế độ thưởng ngoại tệ để trình Thường vụ Hội đồng Chính phủ duyệt và ban hành.

Hà-nội, ngày 1 tháng 7 năm 1974

T. M. Hội đồng Chính phủ  
K. T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng  
LÊ THANH NGHỊ

**NGHỊ ĐỊNH số 163-CP ngày 4-7-1974**  
sửa đổi một số điểm về chế độ thời  
việc vì mất sức lao động và chế độ  
hưu trí đối với công nhân, viên  
chức Nhà nước.

### HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Xét yêu cầu đầy mạnh phong trào lao động  
sản xuất, cần kiện xây dựng chủ nghĩa xã hội  
trong tình hình mới;

Đề sửa đổi kịp thời một số điểm không còn  
thích hợp về chế độ thời việc vì mất sức lao  
động và chế độ hưu trí;

Theo đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ;  
Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Chính phủ,  
trong phiên họp Thường vụ của Hội đồng Chính  
phủ ngày 14 tháng 2 năm 1974,